PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ BẢO MẬT THÔNG TIN CÁ NHÂN TRONG VĂN BẢN PHÁP QUY VIỆT NAM

Lê Như Ý*, Nguyễn Minh Hiếu và Nguyễn Thị Ngọc Linh

[1]Khoa Thư viện - Thông tin học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Lê Như Ý, Email: ylenhuu@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 31/5/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 15/8/2023; Ngày duyệt đăng: 28/9/2023

Tóm tắt

Trong bối cảnh tình trạng xâm phạm thông tin cá nhân đang diễn ra ngày càng phức tạp, các quy định pháp luật có ý nghĩa quan trọng và thiết thực trong việc quản lý, cũng như đảm bảo an toàn cho mỗi cá nhân và an ninh xã hội. Bài viết này phân tích các quy định liên quan đến bảo mật thông tin cá nhân trong hệ thống văn bản pháp quy Việt Nam hiện hành, trình bày các vấn đề chính về bảo mật thông tin cá nhân được đề cập trong các văn bản pháp quy, bao gồm (1) khái niệm thông tin cá nhân, (2) vấn đề tiết lộ thông tin cá nhân, (3) vấn đề đánh cắp thông tin cá nhân, (4) vấn đề làm sai lệch thông tin cá nhân, (5) vấn đề giả mạo thông tin cá nhân, (6) vấn đề tấn công hệ thống thông tin, và (7) vấn đề sử dụng trái phép thông tin cá nhân. Trên cơ sở đó, một số nhận xét và đề xuất mang tính khuyến nghị về pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân tại Việt Nam được trình bày.

Từ khóa: *Bảo mật thông tin cá nhân, văn bản pháp quy, Việt Nam.*

ANALYZING ISSUES ON PERSONAL INFORMATION SECURITY IN VIETNAM LEGAL DOCUMENTS

Le Nhu Y*, Nguyen Minh Hieu, and Nguyen Thi Ngoc Linh

Faculty of Library and Information Science, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam

**Corresponding author: Le Nhu Y, Email: ylenhuu@gmail.com*

Article history

Received: 31/5/2023; Received in revised form: 15/8/2023; Accepted: 28/9/2023

Abstract

On the increasingly complicated situation of personal information infringement, legal regulations have important and practical meanings in managing and ensuring safety for each person and social security. This article analyzes the provisions relating to these issues in the current Vietnamese legal document system and presents main problems embedded, namely (1) concepts of personal information, (2) personal information disclosure, (3) personal information theft, (4) misrepresenting personal information, (5) forging personal information, (6) hacking information system, and (7) unauthorized use of personal information. Then, this article provides several evaluations and recommendations about Vietnam's current legal system for protecting personal data.

Keywords: *Legal documents, personal information security, Vietnam.*

DOI: https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1280

Trích dẫn: Lê, N. Y., Nguyễn, M. H., & Nguyễn, T. N. L. (2024). Phân tích vấn đề bảo mật thông tin cá nhân trong văn bản pháp quy Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, 13*(6), 113-120. https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1280.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

1. Đặt vấn đề

Thông tin cá nhân có vai trò vô cùng quan trọng, là thông tin gắn liền với mỗi cá nhân, giúp định dạng, phân biệt các cá nhân trong xã hội và cần được tôn trọng, bảo vệ; đồng thời cũng là mục tiêu thu thập, khai thác của nhiều cá nhân, tổ chức với những mục đích khác nhau. Do đó, bảo mật thông tin cá nhân luôn là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu, đặc biệt là trong thời đại phát triển của công nghệ thông tin và càng trở nên cấp thiết trước nhu cầu ngày càng cao về quyền riêng tư của con người.

Tại các quốc gia trên thế giới, tình trạng xâm phạm thông tin cá nhân đang diễn ra ngày càng phức tạp với nhiều hình thức khác nhau như xâm nhập, đánh cắp, tiết lộ, sử dụng trái phép,… Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và ban hành các quy định pháp luật có ý nghĩa thiết thực và tiên quyết trong công tác quản lý, cũng như đảm bảo an toàn cho mỗi cá nhân và an ninh xã hội. Nhiều quốc gia đã ban hành các văn bản, quy định pháp luật liên quan đến vấn đề bảo mật thông tin cá nhân, trong đó có Việt Nam. Pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân là nội dung đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu, song chưa có nghiên cứu phân tích những vấn đề cụ thể về bảo mật thông tin cá nhân trong các văn bản pháp quy Việt Nam. Vì vậy, bài viết này phân tích những quy định và vấn đề chính liên quan đến bảo mật thông tin cá nhân được đề cập trong hệ thống văn bản pháp quy Việt Nam hiện hành nhằm cung cấp cái nhìn cơ bản về thực trạng pháp luật bảo vệ thông tin cá nhân tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

Hệ thống văn bản pháp quy Việt Nam hiện nay đã đưa ra khái niệm về thông tin cá nhân, chủ thể thông tin cá nhân, cũng như các quy định về trách nhiệm của cá nhân và tổ chức khi xử lý thông tin cá nhân, hình thức xử lý và mức phạt đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo mật thông tin cá nhân thuộc nhiều lĩnh vực.

Cụ thể, bảo mật thông tin cá nhân đã được đề cập trong Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Luật Công nghệ thông tin năm 2006; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Luật Khám chữa bệnh năm 2009; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010; Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Bộ luật Hình sự năm 2015; Luật An toàn thông tin mạng năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 15/2020/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; Nghị định số 98/2020/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Phần dưới đây trình bày những vấn đề chính về bảo mật thông tin cá nhân được đề cập trong các văn bản pháp quy nêu trên, bao gồm: (1) khái niệm thông tin cá nhân; (2) vấn đề tiết lộ thông tin cá nhân; (3) vấn đề đánh cắp thông tin cá nhân; (4) vấn đề làm sai lệch thông tin cá nhân; (5) vấn đề giả mạo thông tin cá nhân; (6) vấn đề tấn công hệ thống thông tin; và (7) vấn đề sử dụng trái phép thông tin cá nhân.

2.1. Khái niệm thông tin cá nhân

Tại khoản 5, Điều 3, Nghị định số 64/2007/NĐ-CP về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước (Chính phủ Việt Nam, 2007) đã có định nghĩa cụ thể về thông tin cá nhân. Theo đó, thông tin cá nhân gồm hai loại: thông tin cá nhân cơ bản và thông tin thuộc bí mật cá nhân. Trong đó: Thông tin cá nhân: là thông tin đủ để xác định chính xác danh tính một cá nhân, bao gồm ít nhất một trong những thông tin sau đây: họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, chức danh, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu. Những thông tin thuộc bí mật cá nhân gồm có hồ sơ y tế, hồ sơ nộp thuế, số thẻ bảo hiểm xã hội, số thẻ tín dụng và những bí mật cá nhân khác.

Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử (Chính phủ Việt Nam, 2013a) đã trình bày khái niệm thông tin cá nhân tại khoản 13, Điều 3 như sau: Thông tin cá nhân là các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật.

Tương tự, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2013b) về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng cũng có định nghĩa về thông tin cá nhân tại khoản 15, Điều 3: Thông tin cá nhân là thông tin gắn liền với việc xác định danh tính, nhân thân của cá nhân bao gồm tên,

tuổi, địa chỉ, số chứng minh nhân dân, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Định nghĩa về thông tin cá nhân và chủ thể thông tin cá nhân còn được đề cập tại Điều 3 của Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 (Quốc hội Việt Nam, 2015c): "Thông tin cá nhân là thông tin gắn với việc xác định danh tính của một người cụ thể"; "Chủ thể thông tin cá nhân là người được xác định từ thông tin cá nhân đó."

Như vậy, trong mỗi văn bản pháp quy có những khái niệm khác nhau về thông tin cá nhân từ khái quát đến cụ thể. Qua đó, chủ thể thông tin cá nhân cần nhận diện được những thông tin cá nhân cơ bản, có thể cung cấp cho người khác và những thông tin cá nhân cần được bảo mật cao, hạn chế tiết lộ.

2.2. Vấn đề tiết lộ thông tin cá nhân

Các văn bản pháp quy Việt Nam đã đưa ra những biện pháp xử lý và trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong vấn đề tiết lộ thông tin cá nhân. Khoản 2, Điều 46, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 (Quốc hội Việt Nam, 2005) quy định về bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử: Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khoản 2, Điều 22 của Luật Công nghệ thông tin năm 2006 (Quốc hội Việt Nam, 2006) cũng có quy định tương tự: "Tổ chức, cá nhân không được cung cấp thông tin cá nhân của người khác cho bên thứ ba, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc có sự đồng ý của người đó."

Luật Khám bệnh, chữa bệnh (Quốc hội Việt Nam, 2009) đề cập đến quyền được tôn trọng bí mật riêng tư của người bệnh tại Điều 8 như sau:

1. Được giữ bí mật thông tin về tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được phép công bố khi người bệnh đồng ý hoặc để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng chẩn đoán, chăm sóc, điều trị người bệnh giữa những người hành nghề trong nhóm trực tiếp điều trị cho người bệnh hoặc trong trường hợp khác được pháp luật quy định.

Luật này cũng quy định về nghĩa vụ đối với nghề nghiệp của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại khoản 5, Điều 37: "Giữ bí mật tình trạng bệnh của người bệnh, những thông tin mà người bệnh đã cung cấp và hồ sơ bệnh án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật này."

Điều 38, Bộ luật Dân sự năm 2015 (Quốc hội Việt Nam, 2015a) quy định:

1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định.

4. Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Theo Điều 16 của Luật An toàn thông tin mạng (Quốc hội Việt Nam, 2015c): "Cá nhân tự bảo vệ thông tin cá nhân của mình và tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp thông tin cá nhân khi sử dụng dịch vụ trên mạng."; điểm c, khoản 1, Điều 17 về thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của Luật này quy định: Không được cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân mà mình đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Vấn đề tiết lộ thông tin cá nhân cũng được đề cập tại nhiều điều khoản của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020a) về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. Cụ thể, theo điểm b, khoản 1, Điều 79 của Nghị định 15/2020/NĐ-CP, "không bảo đảm bí mật, an toàn trong việc lưu trữ thông tin

liên quan đến nhân thân của tổ chức, cá nhân xin cấp chứng thư số" (tr.84) là hành vi vi phạm quy định về an toàn, an ninh trong giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số, chứng thư số. Điều 102 của Nghị định này đề cập đến các hành vi vi phạm quy định về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin. Theo đó, hành vi "không bảo đảm bí mật thông tin của tổ chức, cá nhân thuê chỗ lưu trữ thông tin số trừ các trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền" có thể bị xử phạt theo quy định tại điểm d, khoản 3 của điều luật này; điểm a, khoản 4 trong cùng điều luật còn đề cập đến hành vi: "Không đảm bảo bí mật thông tin riêng chuyển qua mạng viễn thông công cộng hoặc tiết lộ thông tin riêng liên quan đến người sử dụng dịch vụ viễn thông".

Như vậy, đời sống riêng tư và thông tin thuộc bí mật cá nhân được pháp luật bảo vệ và đảm bảo an toàn, việc công khai thông tin của người khác phải được sự đồng ý của chủ thể thông tin; đồng thời, tiết lộ thông tin cá nhân của người khác khi chưa được sự cho phép của chủ sở hữu thông tin đó là hành vi vi phạm pháp luật và chủ thể thông tin cũng cần tránh trường hợp tự làm lộ thông tin cá nhân của chính mình.

2.3. Vấn đề đánh cắp thông tin cá nhân

Thực trạng đánh cắp thông tin cá nhân ngày càng diễn biến phức tạp bên cạnh sự phát triển của các dịch vụ trực tuyến, vì vậy pháp luật Việt Nam cũng đã chú trọng và đưa ra các quy định liên quan đến vấn đề này. Luật An toàn thông tin mạng (Quốc hội Việt Nam, 2015c) đã đề cập đến vấn đề đánh cắp thông tin cá nhân tại Điều 7 và Điều 17. Theo đó, hành vi lợi dụng sơ hở, điểm yếu của hệ thống thông tin để thu thập, khai thác thông tin cá nhân có thể bị xử phạt theo quy định tại khoản 5, Điều 7 của Luật này; điểm a, khoản 1, Điều 17 về thu thập và sử dụng thông tin cá nhân cũng quy định tổ chức, cá nhân khi xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm: "Tiến hành thu thập thông tin cá nhân sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó".

Xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác để lấy cắp dữ liệu là hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, Điều 289 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Quốc hội Việt Nam, 2015b).

Nghị định 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020a) cũng đề cập đến vấn đề đánh cắp thông tin cá nhân tại Điều 80 và Điều 81. Theo đó, truy cập trái phép vào mạng hoặc thiết bị số để thu thập thông tin của người khác là hành vi vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng trái phép thông tin trên mạng tại điểm a, khoản 2, Điều 80. Điểm c, khoản 2, Điều 81 về vi phạm quy định sử dụng mạng nhằm chiếm đoạt tài sản có đề cập hành vi trộm cắp thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt, gây thiệt hại tài sản hoặc để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

Trong Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020b) về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, vấn đề đánh cắp thông tin cá nhân được đề cập tại Điều 63 và Điều 65. Điều 63 của Nghị định này đề cập các hành vi vi phạm về thông tin và giao dịch trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động; theo đó, điểm b, khoản 5 có đề cập đến hành vi đánh cắp các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức khác hoặc thông tin cá nhân của người tiêu dùng khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan. Điều 65 của Nghị định này quy định các hành vi vi phạm về bảo vệ thông tin cá nhân trong hoạt động thương mại điện tử; trong đó, điểm c, khoản 2 đề cập hành vi:

Không có cơ chế để chủ thể thông tin bày tỏ sự đồng ý một cách rõ ràng khi tiến hành thu thập thông tin, thông qua các chức năng trực tuyến trên website, thư điện tử, tin nhắn, hoặc những phương thức khác theo thỏa thuận giữa hai bên.

Khoản 4 trong cùng điều luật còn quy định xử phạt hành vi: "Thu thập thông tin cá nhân của người tiêu dùng mà không được sự đồng ý trước của chủ thể thông tin".

Các điều luật trên đã nêu rõ, việc thu thập thông tin cá nhân phải được sự đồng ý của chủ thể thông tin. Đồng thời, các hành vi trộm cắp và thu thập trái phép thông tin cá nhân sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2.4. Vấn đề làm sai lệch thông tin cá nhân

Làm sai lệch thông tin cá nhân cũng là vấn đề được quan tâm và đề cập đến trong các văn bản pháp quy. Trong đó, Luật Công nghệ thông tin (Quốc Hội Việt Nam, 2006) đã quy định về vấn đề này tại nhiều

điều luật. Cụ thể, điểm d, khoản 2, Điều 21 của Luật này có quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thu thập, xử lý, sử dụng thông tin cá nhân của người khác:

Tiến hành ngay các biện pháp cần thiết khi nhận được yêu cầu kiểm tra lại, đính chính hoặc hủy bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này; không được cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân liên quan cho đến khi thông tin đó được đính chính lại.

Điều 22 của Luật này quy định về việc lưu trữ, cung cấp thông tin cá nhân trên môi trường mạng, khoản 1 đề cập: "Cá nhân có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân lưu trữ thông tin cá nhân của mình trên môi trường mạng thực hiện việc kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin đó" (tr.11). Đồng thời, điểm a, khoản 2, Điều 72 về bảo đảm an toàn, bí mật thông tin, quy định tổ chức, cá nhân không được thực hiện hành vi: "Xâm nhập, sửa đổi, xóa bỏ nội dung thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng".

Điều 6, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 (Quốc hội Việt Nam, 2010) về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng quy định khi thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người tiêu dùng thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm:

c) Bảo đảm an toàn, chính xác, đầy đủ khi thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người tiêu dùng;

d) Tự mình hoặc có biện pháp để người tiêu dùng cập nhật, điều chỉnh thông tin khi phát hiện thấy thông tin đó không chính xác.

Khoản 1, Điều 7, Luật An toàn thông tin mạng (Quốc hội Việt Nam, 2015c) đề cập nghiêm cấm hành vi: "Ngăn chặn việc truyền tải thông tin trên mạng, can thiệp, truy nhập, gây nguy hại, xóa, thay đổi, sao chép và làm sai lệch thông tin trên mạng trái pháp luật".

Khoản 2, Điều 85 của Nghị định 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020a) đề cập các hành vi vi phạm quy định về cập nhật, sửa đổi và hủy bỏ thông tin cá nhân như sau:

a) Không cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân đã lưu trữ theo yêu cầu của chủ thể thông tin cá nhân hoặc không cung cấp cho chủ thể thông tin cá nhân quyền tiếp cận để tự cập nhật, sửa đổi, hủy bỏ thông tin cá nhân của họ;

b) Không hủy bỏ thông tin cá nhân đã được lưu trữ khi đã hoàn thành mục đích sử dụng hoặc hết thời hạn lưu trữ.

Ngoài ra, các hành vi sau đây có thể bị xử phạt theo quy định tại khoản 2, Điều 102 của Nghị định 15/2020/NĐ-CP:

c) Không kiểm tra lại, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin cá nhân của người khác lưu trữ trên môi trường mạng trong quá trình thu thập, xử lý, sử dụng thông tin khi có yêu cầu của chủ sở hữu thông tin đó;

d) Cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân chưa được đính chính khi có yêu cầu đính chính của chủ sở hữu thông tin đó;

đ) Cung cấp hoặc sử dụng thông tin cá nhân khi đã có yêu cầu hủy bỏ của chủ sở hữu thông tin đó.

Điểm a, khoản 3, Điều 63 của Nghị định 98/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020b) có quy định xử phạt đối với hành vi: "Cung cấp thông tin sai lệch về thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động".

Theo các điều luật trên, tổ chức, cá nhân lưu trữ, xử lý, sử dụng thông tin cá nhân của người khác có trách nhiệm đảm bảo chính xác, đầy đủ khi thu thập và cung cấp thông tin cá nhân, tiến hành ngay các biện pháp cần thiết khi nhận được yêu cầu kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin. Về phía chủ thể thông tin cá nhân, chủ thể có quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ thông tin cá nhân của mình thực hiện kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin đó. Xóa, thay đổi, sao chép trái phép và cung cấp thông tin sai lệch là các hành vi trái pháp luật.

2.5. Vấn đề giả mạo thông tin cá nhân

Liên quan đến vấn đề giả mạo thông tin cá nhân, khoản 3, Điều 12, Luật Công nghệ thông tin (Quốc hội Việt Nam, 2006) đã đề cập nghiêm cấm hành vi "giả mạo trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân khác".

Hành vi "giả mạo tổ chức, cá nhân và phát tán thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân" bị nghiêm cấm tại điểm e, khoản 1, Điều 5 của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2013b) và điểm n, khoản 3, Điều 102 của Nghị định 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020).

Vấn đề giả mạo thông tin cá nhân còn được đề cập tại Điều 10, Điều 33, Điều 77, Điều 82 và Điều

102 của Nghị định 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020a). Cụ thể, mạo danh người khác khi sử dụng dịch vụ bưu chính là hành vi vi phạm quy định về đảm bảo an toàn, an ninh trong cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính theo khoản 2, Điều 10. Điều 33 của Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao. Trong đó, khoản 1 đề cập hành vi "giả mạo, sử dụng giấy tờ tùy thân của các cá nhân, giấy tờ chứng nhận pháp nhân của tổ chức khác để thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung"; khoản 12 trong cùng điều luật còn đề cập:

Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin để giả mạo thông tin, ảnh chụp giấy tờ của cá nhân, tổ chức, ảnh chụp người trực tiếp đến giao kết hợp đồng để thực hiện việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông.

Khoản 1, Điều 77, Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt đối với hành vi "che giấu tên của mình hoặc giả mạo tên của tổ chức, cá nhân khác khi gửi thông tin trên môi trường mạng" (tr.81). Giả mạo nguồn gốc gửi thông tin trên mạng cũng được đề cập trong các hành vi vi phạm quy định về quản lý gửi thông tin trên mạng tại điểm a, khoản 2, Điều 82. Điểm b, khoản 5, Điều 102 trong cùng Nghị định đề cập xử phạt hành vi "che giấu tên, địa chỉ điện tử của mình hoặc giả mạo tên, địa chỉ điện tử của tổ chức, cá nhân khác khi gửi thư điện tử, tin nhắn".

Theo đó, những hành vi giả mạo thông tin cá nhân như mạo danh người khác khi sử dụng dịch vụ, giả mạo nguồn gốc gửi thông tin, trang thông tin điện tử, giấy tờ tùy thân của người khác sẽ bị xử lý theo quy định tại các điều luật nêu trên.

2.6. Vấn đề tấn công hệ thống thông tin

Tấn công hệ thống thông tin cũng là một trong những nội dung quan trọng trong các quy định liên quan đến bảo mật thông tin cá nhân. Cụ thể, khoản 1, Điều 12 của Luật Công nghệ thông tin (Quốc Hội Việt Nam, 2006) có đề cập nghiêm cấm hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, phá hoại thông tin trên môi trường mạng.

Khoản 2, Điều 5, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2013b) về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng quy định nghiêm cấm hành vi "cản trở trái pháp luật việc cung cấp và truy cập thông tin hợp pháp, việc cung cấp và sử dụng các dịch vụ hợp pháp trên Internet của tổ chức, cá nhân".

Bộ luật Hình sự năm 2015 (Quốc hội Việt Nam, 2015b) có quy định về tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác tại khoản 1, Điều 289:

Người nào cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác chiếm quyền điều khiển; can thiệp vào chức năng hoạt động của phương tiện điện tử; lấy cắp, thay đổi, hủy hoại, làm giả dữ liệu hoặc sử dụng trái phép các dịch vụ, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Điều 7 của Luật An toàn thông tin mạng (Quốc hội Việt Nam, 2015c) có quy định về các hành vi bị nghiêm cấm như sau:

2. Gây ảnh hưởng, cản trở trái pháp luật tới hoạt động bình thường của hệ thống thông tin hoặc tới khả năng truy nhập hệ thống thông tin của người sử dụng.

3. Tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng của biện pháp bảo vệ an toàn thông tin mạng của hệ thống thông tin; tấn công, chiếm quyền điều khiển, phá hoại hệ thống thông tin.

4. Phát tán thư rác, phần mềm độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo.

Điều 80 của Nghị định 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020a) đề cập đến các hành vi vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng trái phép thông tin trên mạng, trong đó, điểm a, khoản 2 đề cập hành vi:

Truy cập trái phép vào mạng hoặc thiết bị số của người khác để chiếm quyền điều khiển thiết bị số hoặc thay đổi, xóa bỏ thông tin lưu trữ trên thiết bị số hoặc thay đổi tham số cài đặt thiết bị số hoặc thu thập thông tin của người khác.

Điểm d, khoản 2 trong cùng điều luật đề cập hành vi "ngăn chặn việc truy nhập đến thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng, trừ trường hợp pháp luật cho phép".

Như vậy, các hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, gây ảnh hưởng, cản trở tới hoạt động bình thường của hệ thống thông tin, xâm nhập trái phép

vào mạng hoặc phương tiện điện tử của người khác và cản trở việc truy cập thông tin hợp pháp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2.7. Vấn đề sử dụng trái phép thông tin cá nhân

Liên quan đến vấn đề sử dụng trái phép thông tin cá nhân, điểm d, khoản 2, Điều 72 của Luật Công nghệ thông tin (Quốc hội Việt Nam, 2006) về bảo đảm an toàn, bí mật thông tin đề cập xử phạt hành vi: "Bẻ khóa, trộm cắp, sử dụng mật khẩu, khóa mật mã và thông tin của tổ chức, cá nhân khác trên môi trường mạng".

Theo khoản 2, Điều 6 của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Quốc hội Việt Nam, 2010), trường hợp thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người tiêu dùng thì tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm:

a) Thông báo rõ ràng, công khai trước khi thực hiện với người tiêu dùng về mục đích hoạt động thu thập, sử dụng thông tin của người tiêu dùng;

b) Sử dụng thông tin phù hợp với mục đích đã thông báo với người tiêu dùng và phải được người tiêu dùng đồng ý. .

Khoản 5, Điều 7 của Luật An toàn thông tin mạng (Quốc hội Việt Nam, 2015c) nghiêm cấm hành vi thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin cá nhân của người khác. Điểm b, khoản 1, Điều 17 của Luật này quy định: "Chỉ sử dụng thông tin cá nhân đã thu thập vào mục đích khác mục đích ban đầu sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân".

Bộ luật Hình sự năm 2015 (Quốc hội Việt Nam, 2015b) cũng quy định về vấn đề sử dụng trái phép thông tin cá nhân tại Điều 288, 290 và 291. Cụ thể, tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông được quy định tại khoản 1, Điều 288:

a) Đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông những thông tin trái với quy định của pháp luật, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các Điều 117, 155, 156 và 326 của Bộ luật này;

b) Mua bán, trao đổi, tặng cho, sửa chữa, thay đổi hoặc công khai hóa thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên mạng máy tính, mạng viễn thông mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó;

c) Hành vi khác sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông.

Điểm a, khoản 1, Điều 290 của Bộ luật này về tội sử dụng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, có đề cập đến hành vi: "Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ" (tr.221). Đồng thời, Điều 291 cũng quy định các hình thức xử lý về tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

Nghị định số 15/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020a) cũng đề cập xử phạt hành vi "mua bán hoặc trao đổi trái phép thông tin riêng của người sử dụng dịch vụ viễn thông" tại điểm a, khoản 5, Điều 102.

Vấn đề bảo vệ thông tin của người tiêu dùng còn được nhắc đến trong Nghị định 98/2020/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2020b). Theo đó, điểm b, khoản 5, Điều 63 quy định xử phạt đối với hành vi:

Đánh cắp, tiết lộ, chuyển nhượng, bán các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của thương nhân, tổ chức khác hoặc thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong thương mại điện tử khi chưa được sự đồng ý của các bên liên quan.

Điểm d, khoản 2, Điều 65 trong cùng Nghị định đề cập xử phạt hành vi:

Không có cơ chế riêng để chủ thể thông tin được lựa chọn việc cho phép hoặc không cho phép sử dụng thông tin cá nhân của họ trong những trường hợp: chia sẻ, tiết lộ, chuyển giao thông tin cho một bên thứ ba hoặc sử dụng thông tin cá nhân để gửi quảng cáo, giới thiệu sản phẩm và các thông tin có tính thương mại khác.

Khoản 4, Điều 65 của Nghị định này còn đề cập đến các hành vi vi phạm như sau:

b) Thiết lập cơ chế mặc định buộc người tiêu dùng phải đồng ý với việc thông tin cá nhân của mình bị chia sẻ, tiết lộ hoặc sử dụng thông tin cá nhân cho mục đích quảng cáo và các mục đích thương mại khác.

c) Sử dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng không đúng với mục đích và phạm vi đã thông báo. (tr.77)

Như vậy, bên khai thác thông tin cần phải thông báo rõ ràng về mục đích của việc sử dụng thông tin cá nhân và chỉ sử dụng vào đúng mục đích, phạm vi đã thông báo; sử dụng và kinh doanh trái phép thông tin cá nhân là các hành vi bị nghiêm cấm.

3. Kết luận và kiến nghị

Qua những tổng hợp trên, có thể thấy pháp luật Việt Nam cũng đã chú trọng và có những quy định liên quan đến bảo mật thông tin cá nhân ở nhiều góc độ, phù hợp với thực tế xã hội. Tuy nhiên, hầu hết các văn bản trên chỉ tập trung vào những quy định trên môi trường trực tuyến và còn phân bố dàn trải trong các văn bản thuộc những lĩnh vực khác nhau.

Vì vậy, cần thống nhất các quy định và sớm xây dựng một đạo luật chuyên biệt về bảo mật thông tin cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân và tổ chức trong việc tìm hiểu và áp dụng các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề này. Trong đó, trước hết cần thống nhất khái niệm thông tin cá nhân, quy định cụ thể về các loại thông tin cá nhân. Từ đó, hoàn thiện các quy định về những hành vi vi phạm bảo mật thông tin cá nhân, cũng như các mức xử phạt cho từng hành vi vi phạm theo mức độ dân sự, hình sự; các mức bồi thường cho chủ thể bị xâm phạm thông tin cá nhân và bổ sung quy định về quyền bảo vệ thông tin cá nhân của chủ thể thông tin trong những trường hợp cụ thể, tạo điều kiện cho chủ thể thông tin có thể khởi kiện và được bồi thường thiệt hại. Đồng thời, cần quy định về thẩm quyền, trình tự xử lý thông tin cá nhân trong các cơ quan, tổ chức nói chung và các tổ chức trong từng lĩnh vực. Ngoài ra, có thể xem xét trao quyền và xây dựng một đội ngũ hoặc cơ quan quản lý về thông tin cá nhân tạo điều kiện để người dân báo cáo các hành vi vi phạm, cũng như kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo mật thông tin cá nhân.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ Việt Nam. (2007). *Nghị định số 64/2007/NĐ-CP của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước*. https://vbpl.vn/nganhangnhanuoc/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=14476&Keyword=.

Chính phủ Việt Nam. (2013a). *Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về thương mại điện tử*. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=167457.

Chính phủ Việt Nam. (2013b). *Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng*. https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=30673.

Chính phủ Việt Nam. (2020a). *Nghị định số 15/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử*. https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=140561.

Chính phủ Việt Nam. (2020b). *Nghị định số 98/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200841.

Quốc hội Việt Nam. (2005). *Luật Giao dịch điện tử (số 51/2005/QH11), ban hành ngày 29/1/2005*. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=29675.

Quốc hội Việt Nam. (2006). Luật Công nghệ thông tin (số 67/2006/QH11), ban hành ngày 29/06/2006. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=29137.

Quốc hội Việt Nam. (2009). *Luật Khám chữa bệnh (số 40/2009/QH12), ban hành ngày 04/12/2009*. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=92348.

Quốc hội Việt Nam. (2010). *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (số 59/2010/QH12), ban hành ngày 30/11/2010*. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=98755.

Quốc hội Việt Nam. (2015a). Bộ luật Dân sự (số 91/2015/QH13), ban hành ngày 24/11/2015. https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=183188&classid=1&typegroupid=3.

Quốc hội Việt Nam. (2015b). *Bộ luật Hình sự (số 100/2015/QH13), ban hành ngày 27/11/2015*. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183216.

Quốc hội Việt Nam. (2015c). *Luật An toàn thông tin mạng (số 86/2015/QH13), ban hành ngày 19/11/2015*. https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=183196.